

# Quan hệ giữa chất lượng tăng trưởng kinh tế và quản lý sử dụng tài nguyên thiên nhiên: Hàm ý chính sách cho Việt Nam

Đinh Đức Trường\*, Lê Hà Thanh

*Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 01 tháng 12 năm 2012

**Tóm tắt:** Tăng trưởng kinh tế là mục tiêu mà mọi quốc gia muốn hướng tới. Trong những nhân tố của tăng trưởng, tài nguyên thiên nhiên được xem là một trong bốn động cơ quan trọng nhất bên cạnh vốn vật chất, vốn con người và khoa học công nghệ. Tuy nhiên, để đảm bảo chất lượng tăng trưởng và sự bền vững thì việc sử dụng tài nguyên còn phải đảm bảo những tiêu chí và nguyên tắc nhất định gồm tính hiệu quả, tính bền vững và tính minh bạch. Bài viết phân tích quan hệ giữa chất lượng tăng trưởng và quản lý tài nguyên, từ đó đưa ra các khuyến nghị về chính sách quản lý cho Việt Nam.

## 1. Mở đầu

Tăng trưởng và phát triển kinh tế là mục tiêu mà mọi quốc gia, vùng và khu vực trên thế giới muốn hướng tới. Trọng tâm của sự tăng trưởng là gia tăng giá trị mà một nền kinh tế tạo ra trong một giai đoạn nhất định. Theo lý thuyết kinh tế, tăng trưởng kinh tế là kết quả của quá trình tăng năng suất lao động của nền kinh tế, trong đó năng suất là kết quả tổng hợp của việc thực thi các chính sách liên quan đến quản lý và tích lũy tài sản vật chất, nguồn nhân lực, sử dụng tài nguyên thiên nhiên (TNTN) và áp dụng các thành tựu khoa học công nghệ phục vụ tăng trưởng.

Như vậy, có thể thấy về bản chất kinh tế, TNTN và rộng hơn là môi trường, với tư cách là một hệ thống cung cấp các nguồn lực đầu vào cho hệ thống kinh tế và hàm chứa, hấp thụ các chất thải đầu ra là một yếu tố rất quan trọng

quyết định tăng trưởng và phát triển kinh tế. Tại nhiều quốc gia, khai thác và xuất khẩu tài nguyên đóng góp tới 80% ngân sách nhưng việc khai thác quá mức tài nguyên dẫn tới cạn kiệt và ảnh hưởng tới sự bền vững của tăng trưởng. Ngược lại, cũng có những quốc gia khai thác tài nguyên theo hướng bền vững, kết hợp giữa tài nguyên tự nhiên, con người và khoa học để tạo sự tăng trưởng bền vững. Mối quan hệ giữa tài nguyên và chất lượng tăng trưởng gần đây đã được thế giới quan tâm và nghiên cứu với mục tiêu là tìm ra những cách thức và mô hình tăng trưởng tối ưu cho từng quốc gia. Trong đó, mấu chốt là việc sử dụng tài nguyên hiệu quả và bền vững, đồng thời tạo ra năng lực cạnh tranh của quốc gia trên trường quốc tế.

Bài viết này sẽ tổng hợp và phân tích mối quan hệ giữa chất lượng tăng trưởng và sử dụng TNTN, đồng thời đưa ra một số khuyến nghị và hàm ý chính sách góp phần giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa tăng trưởng và sử dụng tài nguyên, góp phần nâng cao chất lượng tăng trưởng và năng lực cạnh tranh của quốc gia.

\*ĐT: 84 - 916879768.

E-mail: dinhductruong@yahoo.com

## **2. Tăng trưởng kinh tế và đánh giá chất lượng tăng trưởng kinh tế**

Cho đến đầu những năm 80, tăng trưởng kinh tế được coi là mục tiêu hàng đầu của tất cả các quốc gia. Tăng trưởng phản ánh sự gia tăng thu nhập của nền kinh tế của một quốc gia trong một giai đoạn nhất định (thường là 1 năm). Đây là chỉ tiêu kinh tế tổng hợp quan trọng hàng đầu, có liên quan mật thiết đến các biến số vĩ mô khác như nhân lực, hạ tầng, lạm phát, công nghệ. Tuy nhiên, nếu chỉ xem xét tăng trưởng kinh tế trên giác độ số lượng thu nhập tăng thêm thì chưa đủ. Thực tế cho thấy nhiều “loại” tăng trưởng không những không đem đến cho con người cuộc sống tốt đẹp hơn mà trái lại còn để lại những hậu quả không tốt mà các thế hệ tương lai phải gánh chịu. Năm 1996, UNDP đã chỉ ra 4 loại tăng trưởng xấu để các quốc gia tham khảo gồm:

- Tăng trưởng không việc làm: Tăng trưởng không tạo ra việc làm mới.
- Tăng trưởng không lương tâm: Tăng trưởng chỉ đem lại lợi ích cho một bộ phận nhỏ người giàu, điều kiện sống của phần đông người nghèo không được cải thiện.
- Tăng trưởng không tiếng nói: Tăng trưởng không gắn với sự cải thiện về dân chủ.
- Tăng trưởng không tương lai: Tăng trưởng nhưng huỷ hoại tài nguyên và môi trường sống của con người.

Những diễn biến thực tế đó đã đặt dấu hỏi lớn cho các nhà kinh tế và từ cuối thập kỷ 90 chất lượng tăng trưởng bắt đầu được chú ý nhiều hơn khi nghiên cứu tính bền vững của tăng trưởng. Theo cách hiểu rộng nhất thì chất lượng tăng trưởng có thể tiến tới nội hàm của quan điểm về phát triển bền vững, chú trọng tới tất cả ba thành tố kinh tế, xã hội và môi trường.

Trên cơ sở lý thuyết và các kết quả nghiên cứu thực tiễn, một số nhà kinh tế đã nhất trí đưa ra hai khía cạnh của chất lượng tăng trưởng là: (1) tốc độ tăng trưởng cao cần được duy trì trong dài hạn và (2) tăng trưởng cần phải đóng

góp trực tiếp vào cải thiện một cách bền vững phúc lợi xã hội, cụ thể là phân phối thành quả của phát triển và xoá đói giảm nghèo.

Cho đến nay chưa có một khung phân tích thống nhất về chất lượng tăng trưởng trên thế giới. Một trong những lý do cơ bản nhất có lẽ là sự chênh lệch lớn về trình độ phát triển giữa các nước và sự khác nhau về mô hình tăng trưởng mà từng nước theo đuổi. Theo cách tiếp cận khái quát nhất, cơ sở để phân tích và đánh giá chất lượng tăng trưởng bao gồm:

### **Hiệu quả tăng trưởng**

Hiệu quả của tăng trưởng thể hiện thông qua các chi phí bỏ ra để đạt được qui mô và tốc độ tăng trưởng. Hiệu quả của tăng trưởng được đo thông qua

- So sánh kết quả đạt được với các chỉ tiêu tăng trưởng (thu nhập) với chi phí bỏ ra là vốn, lao động, nguyên nhiên vật liệu, tài nguyên. Chỉ tiêu phải ánh mối quan hệ giữa giá trị sản xuất (GO) với giá trị gia tăng (VA) – tỷ lệ chi phí trung trung gian (IC) trong sản xuất.
- So sánh giữa kết quả đạt được các chỉ tiêu tăng trưởng với các chỉ tiêu thể hiện mục tiêu cuối cùng của hoạt động kinh tế, đó là tăng thu nhập thực sự cho quốc gia (giá trị gia tăng) và nâng cao mức sống bình quân cho người dân.

### **Năng lực cạnh tranh của nền kinh tế**

Chỉ số cạnh tranh toàn cầu (Global Competitiveness Index) là một chỉ số đánh giá toàn diện được Diễn đàn Kinh tế thế giới (WEF) xây dựng và công bố trong các báo cáo cạnh tranh toàn cầu thường niên, nhằm đánh giá và xếp hạng các quốc gia trên toàn thế giới về những nền tảng kinh tế vi mô và vĩ mô tạo nên năng lực cạnh tranh của quốc gia. Theo WEF, năng lực cạnh tranh được xác định bởi tập hợp các thể chế, chính sách và các yếu tố tạo nên mức năng suất của một quốc gia. Mức năng suất đến lượt nó lại quyết định mức độ thịnh vượng mà nền kinh tế có thể đạt được. Nói cách khác, nền kinh tế nào càng có năng lực cạnh

tranh cao thì càng có xu hướng tạo ra mức thu nhập cao cho dân chúng.

Theo đó, chỉ số GCI được xây dựng trên cơ sở đo lường các yếu tố có tác động lớn tới năng suất và năng lực cạnh tranh quốc gia với 12 yếu tố trụ cột là thể chế, hạ tầng, mức độ ổn định kinh tế vĩ mô, y tế và giáo dục cơ bản, giáo dục và đào tạo bậc cao, hiệu quả thị trường hàng hóa, hiệu quả thị trường lao động, trình độ thị trường tài chính, mức độ sẵn sàng về công nghệ, quy mô thị trường, trình độ kinh doanh và sáng tạo. Xếp hạng của mỗi yếu tố được xác định thông qua hàng loạt những chỉ số thành phần rất chi tiết và cụ thể. Thông qua chỉ số GCI, bức tranh về cạnh tranh toàn cầu phản ánh một cách khá toàn diện các nền kinh tế, ngày càng trở thành một đánh giá đáng tin cậy và được trích dẫn rất rộng rãi cũng như được sử dụng trong nhiều nghiên cứu.

#### **Phân phối thu nhập và phân phối cơ hội**

Khía cạnh tăng trưởng và phân phối thu nhập luôn là một chủ đề gây tranh cãi, bắt đầu từ giả thuyết hình chữ U ngược của Kurznets (1955) về bất bình đẳng trong phân phối thu nhập gắn với quá trình tăng trưởng. Theo Kurznets, bất bình đẳng có thể là một hệ quả của quá trình tăng trưởng. Thế nhưng một khi xã hội đã phát triển tới một mức cao nhất định, mức độ bất bình đẳng sẽ giảm đi, lúc đó thu nhập và phúc lợi có xu hướng được phân phối công bằng hơn.

Tuy vậy, nhiều kiểm định thực tế đã không nghiêng về giả thuyết này: bất bình đẳng về phân phối thu nhập không những không giảm đi mà còn tăng lên hoặc giữ ở mức cao ngay cả ở nhiều nền kinh tế phát triển như Mỹ, Anh. Để giải quyết bất lợi này, các nước phát triển đã áp dụng nhiều biện pháp khác nhau, trực tiếp (qua chính sách tái phân phối) và gián tiếp (như thông qua tái phân phối cơ hội). Các nước có nền kinh tế thị trường tự do như Mỹ, Anh có phần thiên về áp dụng các biện pháp trực tiếp, trong khi tại các nước công nghiệp Châu Âu cả hai loại trực tiếp (như thông qua thuế thu nhập cá nhân, trợ cấp) và gián tiếp (cung cấp các

dịch vụ giáo dục, y tế nhằm tạo cơ hội cho người có thu nhập thấp tham gia vào quá trình tăng trưởng) đều được thực hiện.

#### **Quản lý hiệu quả của nhà nước**

Ba bộ phận cấu thành trên đây tuy nhiên vẫn chưa đủ để duy trì tăng trưởng trong dài hạn. Chất lượng tăng trưởng còn phụ thuộc vào năng lực của bộ máy Nhà nước, trước hết trong xây dựng thể chế và thực hiện vai trò quản lý của mình. Quản lý hiệu quả đề cập trực tiếp tới vai trò và đóng góp của Nhà nước vào quá trình tăng trưởng, có thể được đánh giá ít nhất qua bốn tiêu chí là ổn định vĩ mô, ổn định chính trị, xây dựng thể chế và hiệu lực của hệ thống pháp luật.

Trước đây, vai trò quản lý của Nhà nước được coi là thứ yếu do dựa vào giả định thất bại của thị trường chỉ là ngoại lệ. Ngày nay vai trò của Nhà nước đối với quá trình tăng trưởng cả về lượng và chất đã được đánh giá cao hơn. Stiglitz (1989) cho rằng thị trường hiệu quả chỉ có được dưới các điều kiện nhất định. Do đó trong nhiều trường hợp, một sự phân bổ hiệu quả (các nguồn lực và kết quả đầu ra) sẽ khó đạt được nếu không có sự can thiệp của chính phủ. Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra tác động tích cực của quản lý Nhà nước tới chất lượng tăng trưởng (Vinod, 2000). Hứa hẹn tăng trưởng sẽ được duy trì trong tương lai ở một mức cao hợp lý sẽ dễ đạt được hơn đối với một nước có thể chế và quy định minh bạch, rõ ràng, tính thực thi của hệ thống pháp luật cao, có bộ máy Nhà nước ít quan liêu, tham nhũng, đồng thời tạo cơ hội cho người dân thực hiện tốt các quyền của họ.

### **3. Quan hệ giữa tài nguyên thiên nhiên và chất lượng tăng trưởng kinh tế**

#### **Vai trò của tài nguyên thiên nhiên với tăng trưởng kinh tế**

TNTN là một dạng của cải đặc biệt. Khác với các dạng của cải khác, tài nguyên thiên nhiên được tạo ra một cách tự nhiên và có thể được sử dụng như là một nguồn lực quan trọng

để tăng trưởng kinh tế và đóng góp vào phúc lợi xã hội. Lý thuyết tăng trưởng đã chỉ ra rằng, 4 yếu tố quyết định đến tăng trưởng gồm: vốn vật chất, vốn con người, tài nguyên thiên nhiên và trình độ khoa học công nghệ. Những nhân tố này tác động tương hỗ với nhau để gia tăng năng suất của nền kinh tế, đến lượt mình năng suất sẽ quyết định số lượng hàng hóa và dịch vụ mà một nền kinh tế tạo ra được trên một đơn vị thời gian, khi qui đổi về thước đo giá trị chính là tăng trưởng kinh tế GDP.

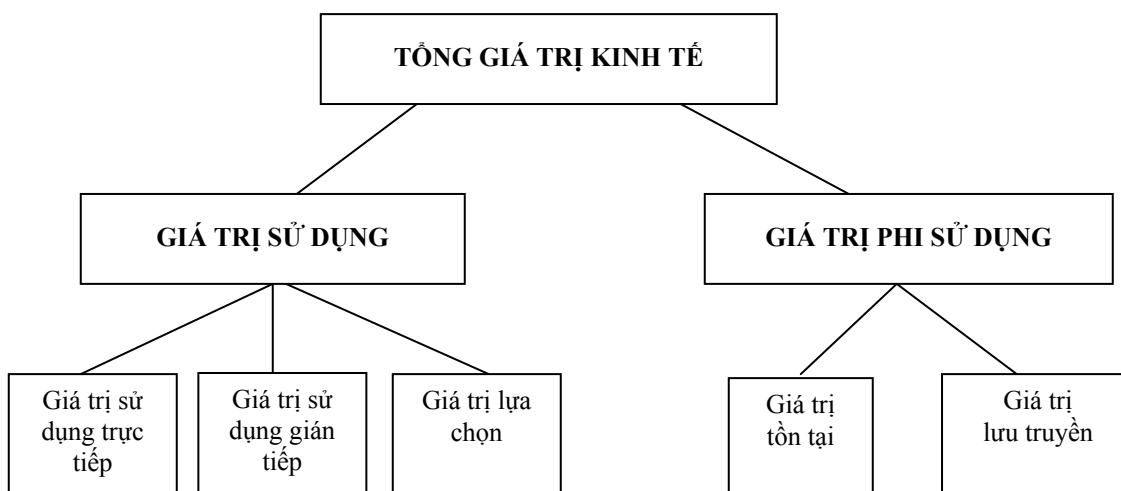
Như vậy, trên giác độ các yếu tố đầu vào, một nền kinh tế đạt được tăng trưởng dựa chủ yếu vào 3 nhân tố chính: vốn (K) gồm cả tài nguyên thiên nhiên, lao động (L) và năng suất

các nhân tố tổng hợp (TFP - Total Factor Productivity). Hàm sản xuất có dạng:

**$Y = F(K, L, TFP)$  , trong đó: Y là thu nhập của nền kinh tế (GDP)**

TNTN không chỉ đóng góp những giá trị kinh tế trực tiếp cho hệ thống kinh tế mà còn cung cấp các hàng hóa và dịch vụ khác cho hệ thống phúc lợi xã hội. Hình 1 minh họa cụ thể các thành phần của tổng giá trị kinh tế của TNTN. Tổng giá trị kinh tế của tài nguyên gồm giá trị sử dụng (các hàng hóa và dịch vụ sinh thái) và giá trị phi sử dụng (giá trị nằm trong cảm nhận, sự thỏa mãn, tri thức của cá nhân và cộng đồng khi tài nguyên được bảo tồn và lưu truyền trong một trạng thái nhất định).

Hình 1: Tổng giá trị kinh tế của tài nguyên thiên nhiên



Nguồn: Nguyễn Thế Chinh (2003)

Như vậy, trong các chính sách tăng trưởng phải nhận thức rằng TNTN là một động cơ quan trọng kích thích tăng trưởng, TNTN là một loại tài sản, cũng giống như những tài sản khác mà con người đang có và đang sử dụng. Tài nguyên cung cấp các yếu tố đầu vào sản xuất, các dịch vụ sinh thái cho các quốc gia, doanh nghiệp, cộng đồng và xã hội. Đồng thời tài nguyên cũng bị khấu hao theo thời gian nếu không biết quản lý, khai thác và sử dụng hiệu quả. Trong mọi điều kiện, tài nguyên là một nguồn lực để phát

triển kinh tế và giống như các nguồn lực khác, chúng là khan hiếm tức là có giới hạn về mặt số lượng và chất lượng. Vì vậy, phải tìm cách sử dụng nguồn lực này tối ưu nhất

**Sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên**

Bên cạnh tính hiệu quả (tối ưu) trong sử dụng tài nguyên thì tính bền vững cũng là một khía cạnh được đặc biệt chú ý vì nó có ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng tăng trưởng và lựa chọn mô hình tăng trưởng kinh tế của một quốc gia.

Tầm quan trọng của tổng vốn phát triển của một quốc gia thể hiện trong hình 2, quan điểm này gắn bó chặt chẽ với quan điểm phát triển bền vững là “sự phát triển thỏa mãn nhu cầu thế hệ hiện tại mà không tổn hại đến lợi ích của thế hệ mai sau” (WCED 1987). Các nhà kinh tế rất đồng tình với quan niệm trên về sự bền vững vì nó dễ chuyển đổi sang ý niệm kinh tế: một sự gia tăng trong phúc lợi hiện tại không làm giảm phúc lợi ở tương lai. Điều đó có nghĩa là việc phát triển kinh tế ở hiện tại phải bảo đảm các cơ hội kinh tế hoặc ít nhất giữ nguyên mức phúc lợi cho thế hệ tương lai.

Tổng số vốn của một hệ thống kinh tế gồm vốn tự nhiên (tài nguyên thiên nhiên) và như phân tích, vốn tự nhiên cũng quyết định cơ hội kinh tế của quốc gia và mang lại phúc lợi xã hội cho cả thế hệ hiện tại và tương lai. Vì vậy, mọi quốc gia phải tự quyết định xem sẽ phân bổ nguồn vốn của mình cho các hoạt động kinh tế và tăng phúc lợi hiện tại ra sao, và bao nhiêu sẽ được phân bổ cho tương lai.

Tuy nhiên, cho đến nay lại có hai quan điểm về nguồn vốn để phát triển theo trường phái Kinh tế học sinh thái và Kinh tế học tân cổ điển. Theo trường phái PTBV mạnh thì sự bền vững của hệ sinh thái là điều kiện tiên quyết của của PTBV, vốn tự nhiên và vốn con người không thể thay thế và bổ sung được cho nhau. Như vậy phát triển bền vững là sự duy trì tổng lượng vốn tự nhiên ko đổi. Theo trường phái PTBV yếu thì ngược lại, giả định ở đây là nguồn vốn con người và nguồn vốn tự nhiên có thể thay thế cho nhau kể cả các tài nguyên không thể tái sinh. Nói cách khác, sự suy giảm về vốn tự nhiên có thể bù đắp bằng cách tăng lượng vốn con người. Vì vậy phát triển bền vững là đảm bảo sự tiêu dùng thực về hàng hóa và dịch vụ trong 1 thời gian không giới hạn trên cơ sở bảo toàn tổng lượng vốn đã được tích lũy.

### **Các mô hình tăng trưởng kinh tế trong quan hệ với tài nguyên thiên nhiên**

Quá trình đầu tư và hình thành các loại tài sản vốn có tính quyết định tới hình thành mô hình tăng trưởng của một quốc gia và ảnh hưởng tới tăng trưởng cả về lượng và chất. Kết

quả có thể tạo ra ít nhất ba loại mô hình tăng trưởng sau đây:

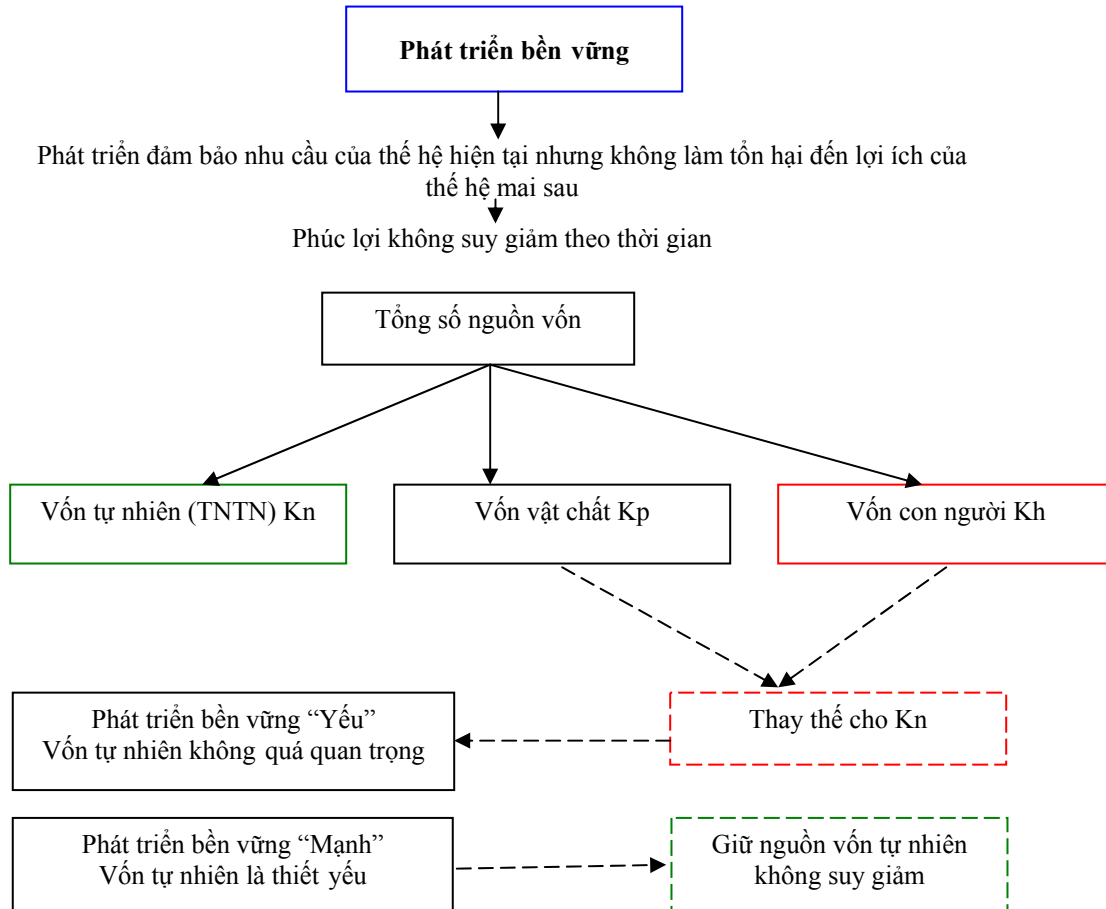
*Mô hình tăng trưởng trì trệ:* Nền kinh tế có thể đạt tăng trưởng trong một giai đoạn ngắn nhưng tốc độ tăng có xu hướng giảm dần, dẫn đến trì trệ và khó duy trì tăng trưởng được lâu dài. Mô hình tăng trưởng loại này thường không bền vững. Lý do chính là lạm dụng quá nhiều tài nguyên thiên nhiên để tăng trưởng. Nền kinh tế có thể rơi vào vòng luẩn quẩn vì khi tài nguyên cạn kiệt có thể dẫn tới thiếu nguồn lực để đầu tư, nhất là vào vốn con người và vốn vật chất. Kết quả của mô hình này là vừa không duy trì được tăng trưởng, không tăng phúc lợi và không thực hiện được mục tiêu xóa đói nghèo. Mô hình này có thể thấy ở một số nước đang phát triển mà trong nhiều năm các chỉ số phát triển không được cải thiện, nhất là tình trạng nghèo đói vẫn dai dẳng và thu nhập đầu người không được cải thiện.

*Mô hình tăng trưởng bị bóp méo:* Để đạt tốc độ tăng trưởng cao cũng như thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, nhiều nước đang phát triển còn cho phép khai thác tài nguyên và môi trường quá mức, thường thấy ở các nước có lợi thế so sánh cho phát triển các ngành tập trung tài nguyên, ví dụ khai thác nguyên liệu thô. Các biện pháp phổ biến là giữ chi phí liên quan đến vốn con người và tài nguyên ở mức thấp bằng cách không thực hiện (hoặc không nghiêm túc thực hiện) các qui định về bảo vệ môi trường, các qui định về vệ sinh và an toàn lao động, v.v... Các chính sách này được coi là một trong những biện pháp khuyến khích đầu tư, nhưng tác động trái là làm giảm giá của vốn tài nguyên để thu hút đầu tư trong và ngoài nước. Khai thác quá mức tài nguyên và phát triển các ngành công nghiệp dựa vào tài nguyên cũng kéo theo đầu tư nhiều hơn vào tài sản vốn vật chất. Do vậy, giảm nguồn tài nguyên cả về lượng và chất có thể làm giảm năng suất của vốn vật chất. Tác động sẽ bất lợi hơn cho các nước nghèo về tài nguyên. Đối với các nước nghèo, giảm tài sản vốn tài nguyên (như tài nguyên đất, tài nguyên rừng và tài nguyên nước) sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới người nghèo.

Lý do là hoạt động sản xuất của người nghèo gắn liền với vốn tài nguyên, trong khi cơ hội thay thế vốn tài nguyên bằng các loại vốn khác của người nghèo là rất thấp. Vì vậy, sự xuống cấp của nguồn vốn tài nguyên mà không được

thay thế bằng các loại tài sản vốn khác (như vốn vật chất, vốn con người) thì tăng trưởng cũng sẽ khó đạt được mục tiêu xoá đói giảm nghèo một cách bền vững.

Hình 2: Phát triển bền vững và sự thay thế giữa các dạng tài nguyên



Nguồn: UNDP (2001)

*Mô hình tăng trưởng bền vững:* Các loại tài sản vốn được hình thành và đầu tư cân đối, không bị bóp méo. Đầu tư của Nhà nước chú trọng tới các lĩnh vực tạo tác động lan tỏa, tích cực tới cả nền kinh tế, như đầu tư cho giáo dục, y tế và bảo vệ vốn tài nguyên. Theo mô hình này, vốn con người là một trọng tâm của chính sách đầu tư nhằm đáp ứng yêu cầu của quá trình phổ biến, tiếp thu và đổi mới công nghệ. So với hai loại mô hình trên, tăng trưởng theo mô hình này đạt được mục tiêu tăng phúc lợi và xoá đói

nghèo. Tốc độ tăng trưởng không nhất thiết quá cao nhưng có thể duy trì trong dài hạn nhờ vào sự đầu tư và hình thành hài hoà, cân đối, không méo mó các loại tài sản vốn. Các nền kinh tế tiến tới mô hình tăng trưởng này thường có chính phủ trong sạch và quản lý hiệu quả.

Gần đây, mô hình tăng trưởng xanh cũng được nhiều quốc gia tiếp cận như một dạng của tăng trưởng bền vững. Tăng trưởng xanh là quá trình tái cơ cấu lại hoạt động kinh tế và cơ sở hạ tầng để thu được kết quả tốt hơn từ các khoản

đầu tư cho tài nguyên, nhân lực và tài chính, đồng thời giảm phát thải khí nhà kính, khai thác và sử dụng ít tài nguyên thiên nhiên hơn, tạo ra ít chất thải hơn và giảm sự mất công bằng trong xã hội. Tăng trưởng xanh là thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế đồng thời đảm bảo rằng các nguồn tài sản tự nhiên tiếp tục cung cấp các hàng hóa và dịch vụ môi trường thiết yếu cho cuộc sống và nền kinh tế.

#### 4. Hàm ý chính sách trong quản lý tài nguyên hướng tới cải thiện chất lượng tăng trưởng

Thứ nhất, mấu chốt đầu tiên trong quản lý tài nguyên là phải nhận thức được rằng TNTN là một loại tài sản của nền kinh tế. Trong mọi điều kiện, tài nguyên là một nguồn lực để phát triển kinh tế và giống như các nguồn lực khác, chúng là khan hiếm tức là có giới hạn về mặt số lượng và chất lượng. *Vì vậy, điểm quan trọng trong tiếp cận quản lý tài nguyên là phải quản lý và sử dụng tài nguyên một cách hiệu quả nhất bằng các chính sách hợp lý. Hiệu quả dưới khía cạnh kinh tế tức là sử dụng tài nguyên theo phương án mang lại tổng lợi ích lớn nhất cho cộng đồng và xã hội. Hay nói cách khác, tài nguyên cần phải được sử dụng theo cách mà nó có thể đóng góp lớn nhất vào hệ thống phúc lợi xã hội.*

Thứ hai, sau khi đã nhận thức được tài nguyên và môi trường là có giá trị đối với sự phát triển của cá nhân, cộng đồng và xã hội thì phải định giá, lượng giá được giá trị của tài nguyên vì nếu không đánh giá được đúng giá trị thì sẽ không thể có được các chính sách có thể sử dụng tài nguyên và môi trường một cách tối ưu và hiệu quả. Trước đây, giá trị của tài nguyên và môi trường thường được hiểu là giá trị sử dụng trực tiếp của chúng. Ví dụ; rừng để lấy gỗ, đất ngập nước để nuôi trồng thủy sản. Tuy nhiên, bên cạnh những giá trị sử dụng trực tiếp thì tài nguyên và môi trường còn bao hàm cả những giá trị gián tiếp và giá trị phi sử dụng.

Ví dụ: rừng ngập mặn có giá trị phòng ngừa thiên tai, bảo tồn đa dạng sinh học, hấp thụ CO<sub>2</sub>, lọc và điều tiết nước ngầm cũng như các giá trị văn hóa, nghệ thuật. Nguyên tắc chung của sử dụng tài nguyên là tính chi phí cơ hội của nó tức là khi tài nguyên đã sử dụng cho mục đích này thì sẽ không thể sử dụng cho mục đích khác được nữa. Rừng ngập mặn đã bị chặt phá để nuôi trồng thủy sản thì không còn chức năng bảo tồn đa dạng sinh học và phòng chống thiên tai nữa. Chính vì vậy khi sử dụng tài nguyên cần phải xác định rõ là việc sử dụng đứng trên quan điểm nào, cá nhân hay xã hội và quan trọng hơn là phải định ra được các nhóm giá trị của tài nguyên từ giá trị tổng thể đến giá trị thành phần để lựa chọn phương án sử dụng tài nguyên tối ưu nhất cho xã hội.

Thứ ba, cần phải nhìn nhận chất lượng môi trường là hàng hóa để từ đó xây dựng phát triển các ngành công nghiệp và dịch vụ môi trường, đóng góp vào giá trị gia tăng của toàn bộ nền kinh tế. Thực tế cho thấy, chất lượng môi trường là yếu tố rất quan trọng của sự sống, đáp ứng những nhu cầu cơ bản và nâng cao của con người. Trong điều kiện nền sản xuất hàng hóa có quy mô nhỏ và phân tán thì không gây ra ô nhiễm môi trường, môi trường có khả năng tự tổ chức và điều chỉnh theo tính cân bằng của tự nhiên. Tuy nhiên, ngày nay khi trình độ phát triển kinh tế gia tăng, cùng với quá trình công nghiệp hóa và toàn cầu hóa, mức độ khai thác tài nguyên và tác động vào môi trường của con người là rất mạnh mẽ, kết quả là môi trường và tài nguyên bị suy giảm không phục hồi hoặc đáp ứng được với nhu cầu của xã hội. Bên cạnh đó, khi thu nhập của con người và xã hội đã ở mức cao thì nhu cầu cho tiêu dùng các hàng hóa chất lượng môi trường cao cũng gia tăng (du lịch sinh thái, cảnh quan, cây xanh, không khí trong lành, nước sạch, rác thải được xử lý thỏa đáng). Để bù đắp lại sự suy giảm chất lượng môi trường hoặc gia tăng chất lượng môi trường, xét về mặt kinh tế phải có sự đầu tư hao phí về chi phí và sức lao động của con người.

Từ đó chất lượng môi trường trở thành hàng hóa, có giá trị và được mua bán trao đổi trên thị trường. Điều này có ý nghĩa rất lớn đối với việc xây dựng và phát triển những ngành dịch vụ, công nghiệp môi trường để vừa thỏa mãn được nhu cầu của xã hội, vừa tạo ra giá trị gia tăng cho nền kinh tế. Việt Nam đang phải đối mặt với các vấn đề môi trường do quá trình công nghiệp hoá và hội nhập kinh tế quốc tế; ngoài ra chúng ta cũng đang phải cam kết thực hiện ngày càng nhiều hơn các quy định quốc tế về môi trường đặc biệt sau khi gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO). Hiện nay, Việt Nam đã cam kết về mở cửa thị trường dịch vụ môi trường ở 5 phân ngành trong WTO (dịch vụ xử lý nước thải; dịch vụ xử lý rác thải; Dịch vụ làm sạch khí thải; Dịch vụ xử lý tiếng ồn; Dịch vụ đánh giá tác động của môi trường. Do vậy, phát triển dịch vụ môi trường đang là một nhu cầu hết sức cấp thiết ở Việt Nam. Nhu cầu này mang tính khách quan của quá trình phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập kinh tế quốc tế nước ta hiện nay.

Thứ tư, một vấn đề quan trọng khi nhìn nhận giá trị và đóng góp của tài nguyên và môi trường trong sự phát triển kinh tế của quốc gia là hạch toán tài nguyên vào môi trường trong hệ thống tài khoản quốc gia. Nền kinh tế sử dụng nước, khí, khoáng sản, rừng để sản xuất, đồng thời thải ra chất ô nhiễm. Song không ai coi đó là đầu vào sản xuất, và chịu trả tiền cho việc phục hồi nó. Với đa số các quốc gia đang phát triển gồm cả Việt Nam, hệ thống hạch toán kinh tế truyền thống mà chúng ta đang sử dụng (*SNA*) chỉ tính đầu vào là vốn, lao động, công nghệ, mà bỏ qua một dạng đầu vào khác - những phí tổn phải bỏ ra để khắc phục ô nhiễm, suy thoái môi trường hay những đóng góp của môi trường cho nền kinh tế. Các chi phí này thường được không được lồng vào bản hạch toán của doanh nghiệp, của quốc gia, khiến cho người gây ô nhiễm không thấy được mức độ phí tổn mà họ phải bỏ ra để bù đắp cho tổn hại môi trường như thế nào. Vì thế, không khích lệ họ thực hiện các hành động thân thiện với môi trường. Bên cạnh đó, nhiều loại tài nguyên quan

trọng (như nước, nguồn lợi thủy sản, khoáng sản...) chỉ được mua bán với giá thấp, và trong nhiều trường hợp bị bỏ qua trong giá bán sản phẩm, khiến môi trường bị khai thác không thương xót. Những lợi ích vô hình của môi trường (như rừng bảo vệ lưu vực sông, điều hoà khí hậu, lọc nước và không khí...) cũng không hề được tính tới. Thêm vào đó, chưa một nhà sản xuất nào nhận thức rằng tài nguyên là thứ có thể cạn kiệt, do đó, sự suy giảm trữ lượng của nó phải được tính vào tài khoản khấu hao như các tài sản cố định khác.

Kinh nghiệm thế giới cho thấy chỉ có cách đưa môi trường vào hệ thống hạch toán kinh tế thì mới biết được tác động của hoạt động sản xuất kinh doanh tới môi trường, và biết được tính bền vững của nền kinh tế. Chẳng hạn, nếu phải tiêu hao quá nhiều quặng, nước hay rừng mới làm ra được một sản phẩm, đó sẽ là nền kinh tế phụ thuộc vào tài nguyên sẵn có, và kém bền vững. Biết được tính bền vững của nền kinh tế sẽ giúp các nhà quản lý đưa ra những chiến lược, quyết sách hợp lý hơn. Việc đưa hạch toán môi trường vào hệ thống hạch toán kinh tế (tức là có tính tới yếu tố khấu hao tài nguyên) sẽ cho thấy GDP thực thấp hơn so với cách tính GDP truyền thống. Điều này sẽ giúp các nhà quản lý thấy được thực tế nền kinh tế phát triển dựa vào tài nguyên ở mức độ nào.

Thứ năm, đẩy mạnh quá trình tăng trưởng xanh ở Việt Nam. Với định hướng cơ bản trở thành nước công nghiệp phát triển theo hướng hiện đại vào năm 2020, trong những năm tới, các hoạt động sản xuất sẽ gia tăng mạnh mẽ và kèm theo đó là nhu cầu tiêu thụ năng lượng ở Việt Nam sẽ rất lớn. Trong bối cảnh phát triển như vậy, “tăng trưởng xanh” là cách thức phát triển phù hợp với yêu cầu đổi mới mô hình tăng trưởng và tái cơ cấu trong giai đoạn sắp tới. Đó là thúc đẩy phát triển các ngành kinh tế dựa trên các hệ sinh thái; đổi mới công nghệ sản xuất theo hướng các bon thấp và ít chất thải; xanh hóa lối sống và thúc đẩy tiêu dùng bền vững; phát triển dịch vụ môi trường và ngành công nghiệp tái chế.



### Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Ngọc Sơn, Phạm Hồng Chương, *Chất lượng tăng trưởng kinh tế Việt Nam: Mười năm nhìn lại và định hướng tương lai*, NXB Giao thông Vận tải, Hà Nội, 2011.
- [2] Nguyễn Thế Chinh, *Kinh tế và quản lý môi trường*, NXB Thống kê, 2003.
- [3] Sterner.T, *Policy instruments for environmental and natural resource management*, Resource for the Future, Washinton D.C, 2003.
- [4] Trần Thanh Lâm, *Quản lý môi trường bằng công cụ kinh tế*, NXB Lao động, 2006.

## The Relationship Between Quality of Economic Growth and Natural Resource Management: Policy Implications for Vietnam

Đinh Đức Trường, Lê Hà Thanh

*Faculty of Environment and Urban, National Economics University, Hanoi, Vietnam*

Economic growth is a critical goal of all nations. Among factors of growth, natural resource is considered as one of the most important “engines” beside physical capital, human capitals, and scientific and technological capacity. However, the enhancement of economic growth quality requires management principles including efficiency, sustainability and transparency. The paper analyses the relationship between growth quality and natural resource management and then taking out implication for Vietnam.